

Số: 275/QĐ-SNN

Hà Giang, ngày 24 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt các định mức kỹ thuật khuyến nông;
Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật - Dự toán xây dựng mô hình CSA:
Thâm canh bền vững sản xuất rau an toàn cấp nông hộ
xã Hữu Vinh, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang**

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về
Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về
quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây
dựng về việc hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Công văn số 694/ UBND-XD ngày 22/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh
Hà Giang việc công bố đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng
trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

Căn cứ Quyết định số 1358/QĐ-BNN-XD ngày 19/6/2014 của Bộ Nông
nghiệp và PTNT về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Dự án
thành phần Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Hà Giang Dự án thành phần Cải
thiện nông nghiệp có tưới do WB tài trợ;

Căn cứ Văn bản số: 776/BNN-TT ngày 27/01/2016 của Bộ Nông nghiệp
và PTNT về việc điều chỉnh mô hình CSA thuộc Hợp phần 3, Dự án WB7;

Căn cứ Quyết định số: 81/QĐ-TT-WB7 ngày 16/3/2016 của Cục trồng
trọt về việc Phê duyệt khung kế hoạch thực hiện mô hình nông nghiệp thông
minh thích ứng biến đổi khí hậu - Dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7);

Căn cứ Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BNN-BTC ngày
15/11/2010 về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước
cấp đối với hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Quyết định số 918/QĐ-BNN-TC ngày 05/5/2014 Quy định tạm
thời nội dung, mức hỗ trợ và mức chi cho các hoạt động khuyến nông sử dụng
nguồn ngân sách Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 3073/QĐ-BNN-KHCN ngày 28/10/2009 của Bộ
Nông nghiệp và PTNT quy định về Định mức xây dựng cho mô hình khuyến
nông trồng trọt;



Căn cứ Sổ tay thực hiện dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới theo quyết định số 3016/QĐ-BNN-HTQT ngày 20/12/2013 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về hướng dẫn thực hiện dự án Cải thiện Nông nghiệp có tưới;

Căn cứ Quyết định số 552/QĐ-SNN ngày 28/11/2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc Phê duyệt thực hiện kế hoạch tổng thể Hợp phần 3: Hỗ trợ thực hành thông minh thích ứng biến đổi khí hậu (CSA);

Công văn số 2325/TT-WB7 ngày 12/12/2016 của Cục Trồng trọt về việc góp ý thiết kế và kế hoạch thực hiện mô hình thực hành CSA dự án thành phần tỉnh Hà Giang (dự án WB7);

Quy định về mẫu của báo thiết kế mô hình CSA trong dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) do Ban Quản lý trung ương các dự án Thủy lợi (CPO) ban hành ngày 15/01/2016.

Căn cứ hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán do Liên danh tư vấn Trung tâm Thủy lợi miền núi phía Bắc và Viện khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc lập;

Căn cứ Kết quả thẩm định “Mô hình CSA: Thâm canh bền vững sản xuất rau an toàn cấp nông hộ xã Hữu Vinh, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang,” Hợp phần 3: Hỗ trợ thực hành nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu (CSA) Thuộc dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới do WB tài trợ (WB7) số: 337/BC-SNN-TTĐ592 ngày 20/7/2017 của Tổ thẩm định 592;

Xét đề nghị của Ban quản lý các dự án nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật - Dự toán xây dựng mô hình CSA Thâm canh bền vững sản xuất rau an toàn cấp nông hộ xã Hữu Vinh, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang gồm các nội dung sau:

1. Tên mô hình: Thâm canh bền vững sản xuất rau an toàn cấp nông hộ xã Hữu Vinh, huyện Yên Minh.

2. Địa điểm xây dựng: xã Hữu Vinh, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang

3. Diện tích triển khai mô hình: 1,8 ha.

4. Tên dự án: Cải thiện nông nghiệp có tưới do WB tài trợ (WB7).

5. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hà Giang.

6. Đại diện Chủ đầu tư: Ban Quản lý các dự án PTNT tỉnh Hà Giang.

7. Nhà thầu tư vấn CSA: Liên danh Liên danh Viện khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc và Trung tâm thủy lợi miền núi phía Bắc lập.

8. Nguồn vốn: Vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB).

9. Mục tiêu:

9.1. Mục tiêu tổng quát:

Mô hình sản xuất rau an toàn cấp nông hộ phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp của địa phương.

- Về ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính: Mô hình sản xuất rau an toàn tập trung áp dụng các kỹ thuật canh tác mới, giảm lượng phân bón và thuốc hóa học từ đó giảm ô nhiễm môi trường. Mô hình áp dụng các biện pháp tưới tiêu hiện đại, tiết kiệm nước tưới, giúp giảm thiểu nguồn tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu biến đổi khí hậu.

9.2. Mục tiêu cụ thể :

Về lợi ích kinh tế: Mô hình áp dụng đồng bộ kỹ thuật canh tác từ khâu làm đất đến thu hoạch giúp giảm chi phí sản xuất, tăng hiệu quả kinh tế cho người sản xuất từ 10-15%.

- Về hệ số sử dụng đất: Việc sử dụng đa dạng các loại rau với các chu kỳ khai thác khác nhau giúp tăng hệ số sử dụng đất.

- Về liên kết sản xuất/kinh doanh và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm: (1) Sản xuất rau an toàn với sự quản lý và điều hành của HTX sẽ giúp sản xuất rau đạt tiêu chuẩn an toàn, chất lượng đồng đều, tăng sản lượng sản phẩm, giảm giá thành từ đó tăng khả năng cạnh tranh cũng như liên kết kinh doanh với thị trường tiêu thụ; (2) xây dựng nhãn hiệu hàng hóa và khai thác hợp lý nhãn hiệu này sẽ giúp tăng tính cạnh tranh trên thị trường, giúp nâng cao giá trị hàng hóa, nâng cao thu nhập cho người trồng rau.

- Về sử dụng các công trình tưới/tiêu các hạ tầng nội đồng lâu bền: Mô hình sản xuất rau an toàn theo quy mô lớn được thiết kế hệ thống tưới phun và tưới nhỏ giọt giúp tiết kiệm nguồn nước tưới 30% so với cách tưới truyền thống.

- Áp dụng cơ giới hóa đồng bộ vào sản xuất sẽ giúp giảm thiểu công lao động, tăng hiệu quả sản xuất, giảm gánh nặng cho phụ nữ trong sản xuất nông nghiệp nói chung và sản xuất rau tại địa bàn xã.

- Về các công nghệ/kỹ thuật áp dụng xây dựng mô hình: Sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, xử lý phế phụ phẩm làm phân bón vi sinh bằng chế phẩm sinh học AT, phương pháp tưới nước phun mưa, tưới thấm,...

10. Các hoạt động thực hiện mô hình:

10.1. Hỗ trợ thực hiện mô hình (Phần nông nghiệp):

Hỗ Trợ 100% hạt giống rau các loại, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, công cụ, dụng cụ phục vụ sản xuất.

Hỗ trợ về kỹ thuật từ khâu làm đất, gieo hạt, chăm sóc cho đến lúc thu hoạch và bảo quản đối với tất cả các loại cây trồng theo thời vụ trong năm

B. Xây dựng Cơ sở hạ tầng. (Hệ thống tưới)

a. Trạm bơm tưới

- Nhà trạm: kích thước BxH=(3,00x3,5m, kết cấu nền bằng bê tông M200, giữa nhà trạm làm bệ đặt máy bơm bằng bê tông M200 kích thước (0,6x 1,3)m bên trong có đặt sẵn bu lông chờ lắp máy bơm; tường nhà bằng gạch xây VXM M75 cao 2,5m, trát trong và ngoài dày 1.5cm. Hệ vì kèo bằng thép hình sử dụng liên kết hàn, mái nhà bằng tôn lợp 11 múi dày 0.4mm.

- Thiết bị: Gồm 1 máy bơm trục ngang CM50- 160A

b. Bể trữ nước.

Bể trữ nước dự phòng tưới cho khu mô hình là 200m^3 ; bể có kích thước đáy dưới (2x27)m; trên mặt (5x30)m; sâu 2m. Xây dựng bằng công nghệ bê tông thành mỏng, lớp dưới đáy là lớp bê tông M200 đá (0,5x1)cm, dày 4cm. Tiếp theo là lớp lưới thép mắt vuông (2x2)cm, đường kính 2mm hàn thành lớp, trên lớp lưới thép là lớp BTM200 đá (0,5x1)cm, dày 4cm.

Phía ngoài bể bố trí lớp kè gia cố mái bằng đá hộc xây vữa M100 dày 30cm, phía trong bố trí tầng lọc ngược và lỗ thoát nước.

c. Tuyến ống chính; ống nhánh

Đường ống chính là ống HDPE- PE100 (PN8); Trên tuyến ống chính có bố trí van xả khí và van xả cặn. Ống nhánh là ống PVC (PN6); Ống được chôn sâu trung bình 0,4m, đắp đất chặt hệ số $k = 0,95$.

Tưới mặt ruộng: Các trụ vòi tưới bằng thiết bị phun mưa cầm tay được dẫn nước bằng ống PVC đường kính từ D48mm – D75mm, chôn sâu 40cm, được cấp qua các họng cấp nước cố định, khoảng cách giữa các họng là 10m. Mỗi họng có cụm vòi được thiết kế đồng bộ, linh động, có thể tháo ra lắp vào khi cần tưới.

Tuyến điện: Lấy điện từ trạm biến áp 100KVA kéo về khu mô hình; chiều dài dây 300m; cột điện cao 6,5m; 30m/cột, móng cột bằng bê tông M200.

11. Kinh phí thực hiện mô hình:

Tổng kinh phí mô hình nhà nước hỗ trợ: 2.181.144.500 đồng.

(Bằng chữ: Hai tỷ, một trăm tám mươi mốt triệu, một trăm bốn mươi bốn nghìn, năm trăm đồng chẵn).

Chi tiết như sau:

A. Hỗ trợ thực hiện mô hình (Phần nông nghiệp): 750.627.500 đồng.

Nội dung	Tổng kinh phí thực hiện	Nhân dân đóng góp	KP đề nghị nhà nước hỗ trợ
- Dụng cụ, máy móc	249.000.000		249.000.000
- Nguyên liệu, năng lượng	478.660.900		478.660.900
- Chi phí quản lý	22.966.600		22.966.600
Cộng	750.627.500		750.627.500

B. Xây dựng Cơ sở hạ tầng. (Hệ thống tưới): 1.430.517.000đồng

1	Chi phí xây dựng	1.183.689.213	Đồng
2	Chi phí thiết bị	21.949.454	
3	Chi phí quản lý dự án	26.351.009	Đồng
4	Chi phí tư vấn ĐTXD	21.456.756	Đồng
5	Chi phí khác	47.023.213	Đồng
6	Chi phí dự phòng	130.046.964	Đồng
	TỔNG CỘNG	1.430.517.000	Đồng

(Chi tiết tại bản vẽ thiết kế kỹ thuật, dự toán và Báo cáo thiết kế)

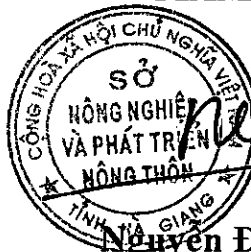
Điều 2: Ban quản lý các dự án PTNT, tổ giúp việc Hợp phần 3, các tổ chức liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát chất lượng theo các tiêu chí, hạng mục công việc và thực hiện các nhiệm vụ được phê duyệt, đáp ứng yêu cầu của nhà tài trợ, đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Điều 3: Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch Sở, Giám đốc Ban quản lý các dự án phát triển nông thôn, Thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- UBND tỉnh (BC);
- Cục Trồng trọt (BC);
- CPO Thủy lợi (BC);
- Tổ giúp việc HP3;
- Tổ thẩm định 592;
- BQL các DA PTNT;
- Như Điều 3;
- Lưu VT;

GIÁM ĐỐC




Nguyễn Đức Vinh

